

**QUYẾT ĐỊNH
PHÚC THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v “yêu cầu chia tài sản chung để thi hành án”**

TÒA ÁN NHÂN DÂN NHÂN TỈNH HÒA BÌNH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Lê Văn Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Tùng

Bà Nguyễn Thị Dụ

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Hoài Thương

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình tham gia phiên họp:

Ông Lê Quý Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình mở phiên họp phúc thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý 01/2020/TLPT-VDS ngày 05/6/2020 về việc “yêu cầu chia tài sản chung để thi hành án”.

Do Quyết định sơ thẩm số 02/2020/QĐST – VDS ngày 10/4/2020 của Tòa án nhân dân thành phố H bị kháng cáo.

Theo Quyết định mở phiên họp phúc thẩm giải quyết việc dân sự số 23/2020/QĐPT - VDS ngày 26/6/2020, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Bà Nguyễn Thị Bích T - Chấp hành viên chi cục thi hành án dân sự Thành phố H.

Địa chỉ: phường T, thành phố H, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Lê Thị T, ông Đoàn Quốc Th, bà Đoàn Thị K

Cùng địa chỉ: phường Đ, thành phố H, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

+ Chị Đoàn Thị Hương G, anh Vũ Đức T

Cùng địa chỉ: phường Đ, thành phố H, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

+ Chị Trịnh Thị Bích N , anh Đoàn Bá L , cháu Đoàn Kim C , cháu Đoàn Ngọc D, cháu Đoàn Quang H.

Cùng địa chỉ: xã S, thành phố H, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Anh Nguyễn Văn A - đại diện theo ủy quyền của ông Đoàn Quốc Th và bà Lê Thị T.

Địa chỉ: phường Q, quận Đ, thành phố Hà Nội. Có mặt.

- *Người kháng cáo:* người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - bà Lê Thị T, ông Đoàn Quốc Th.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự - bà Nguyễn Thị Bích T trình bày:

Chi cục thi hành án dân sự thành phố H là đơn vị được giao tổ chức, thi hành quyết định của bản án số 16/2015/DS-PT ngày 10/9/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình. Theo bản án trên, thì bà Lê Thị T, ông Đoàn Quốc Th, anh Đoàn Bá L và chị Trịnh Thị Bích N phải liên đới thanh toán cho chị Giang Thị Q, anh Trần Công M (địa chỉ: phường Đ, thành phố H, tỉnh Hòa Bình) số tiền 2.408.012.000 đồng và lãi suất chậm thi hành án.

Bà Nguyễn Thị Bích T yêu cầu Tòa án xác định, phân chia phần sở hữu tài sản của chị Trịnh Thị Bích N, anh Đoàn Bá L, bà Lê Thị T, ông Đoàn Quốc Th trong khối tài sản chung của hộ gia đình với bà Đoàn Thị K, các cháu Đoàn Ngọc Kim C, Đoàn Ngọc D, Đoàn Quang H; tài sản chung là: 01 ngôi nhà xây và quyền sử dụng 287,6 m² đất thuộc thửa số 11, tờ bản đồ số 07, địa chỉ tổ 09 (tổ 15 cũ) phường Đ, Thành phố H, tỉnh Hòa Bình (đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 118333 ngày 22/05/2008) để Chi cục thi hành án dân sự thành phố H tiến hành việc thi hành án theo đúng pháp luật.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến trình bày gì.

Tại Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 02/2020/QĐST – VDS ngày 10/4/2020, Tòa án nhân dân thành phố H đã quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 27; khoản 1 Điều 35; điểm n khoản 1 Điều 39; Điều 366; Điều 367; Điều 369 và Điều 370 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 212 và 213 của Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 29 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2013; Căn cứ khoản 29 Điều 3 của Luật Đất đai năm 2013; Căn cứ Điều 74 của Luật thi hành án dân sự năm 2014; Căn cứ khoản 4 Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của người yêu cầu là bà Nguyễn Thị Bích T – Chấp hành viên Chi cục THADS thành phố H.

- Xác định phần quyền sở hữu của ông Đoàn Quốc Th và bà Lê Thị T là mỗi người = $\frac{1}{2}$ (một phần hai) giá trị của ngôi nhà cấp 4, mái bằng, trên lợp tôn chống nắng có diện tích khoảng 63m² - Địa chỉ: SN 113, tổ 09 (15 cũ), phường Đ, thành phố H, tỉnh Hòa Bình.

- Xác định phần quyền sử dụng đất của ông Đoàn Quốc Th, bà Lê Thị T, anh Đoàn Bá L , chị Trịnh Thị Bích N là mỗi người = $\frac{1}{9}$ (Một phần chín) giá trị của lô đất thuộc thửa số 11, tờ bản đồ số 07 – Địa chỉ: tổ 09 (15 cũ), phường Đ, TP H, tỉnh Hòa Bình (đất đã được UBND TP Hòa Bình cấp Giấy chứng nhận QSD đất số AM118333 ngày 22/5/2008).

Ngoài ra, quyết định còn tuyên về lệ phí dân sự, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 19/4/2020, ông Đoàn Quốc Th và bà Lê Thị T có đơn kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết lại toàn bộ quyết định sơ thẩm.

***Tại phiên họp phúc thẩm:**

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự giữ nguyên yêu cầu giải quyết việc dân sự; khẳng định: chi cục thi hành án dân sự thành phố H đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục về thi hành án đối với tài sản thuộc sở hữu chung theo quy định tại điều 74 Luật thi hành án dân sự. Chấp hành viên đã thông báo cho các chủ sở hữu chung biết việc cưỡng chế thi hành án đối với nhà, đất tại thửa số 11, tờ bản đồ số 07 ở tổ 09 (15 cũ), phường Đ, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

Đại diện theo ủy quyền của ông Đoàn Quốc Th và bà Lê Thị T là anh Nguyễn Văn A trình bày: chấp hành viên của Chi cục thi hành án dân sự đã không thực hiện đầy đủ các thủ tục theo quy định của pháp luật trước khi yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung để thi hành án, không thông báo cho các cháu Đoàn Ngọc Kim C, Đoàn Ngọc D, Đoàn Quang H về việc thỏa thuận phân chia tài sản chung. Tòa án xác định ông Th , bà T , anh L , chị N mỗi người được hưởng $\frac{1}{9}$ giá trị thửa đất số 11 là không đúng; thửa đất này do bà Nguyễn Thị L mua và xây dựng nhà trên đất, sau đó bà L chết nhưng không để lại di chúc, hiện nhà đất đã được gia đình ông Th bà K thế chấp cho Ngân hàng ĐT chi nhánh H để bảo đảm cho khoản vay của chị Giang Thị Q (địa chỉ: phường Đ, thành phố H, tỉnh Hoà Bình). Việc cấp sơ thẩm không đưa Ngân hàng ĐT chi nhánh H và chị Q tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên

quan là thiếu sót. Đồng thời, tại thời điểm Chi cục thi hành án dân sự làm thủ tục thi hành án, cháu Đoàn Quang H đã nhập hộ khẩu vào hộ bà Lê Thị T nên cũng có quyền sử dụng đất và được hưởng giá trị thừa đất khi phân chia tài sản chung.

Đề nghị Hội đồng xét kháng cáo hủy quyết định sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ việc cho Tòa án nhân dân Thành phố H giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên họp phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ việc tại cấp phúc thẩm đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ việc và lời khai của các đương sự, có đủ cơ sở khẳng định:

+ Quyền sở hữu ngôi nhà cấp 4 có diện tích khoảng 63m³, thuộc thửa đất số 11, tờ bản đồ số 7 tại tổ 9, phường Đ, thành phố H, tỉnh Hòa Bình là của ông Đoàn Quốc Th và bà Lê Thị T với tỷ lệ mỗi người là ½ giá trị ngôi nhà.

+ Hộ bà Lê Thị T có 09 thành viên được quyền sử dụng đất chung với tỷ lệ bằng nhau là ông Đoàn Quốc Th, bà Lê Thị T, anh Đoàn Bá L, chị Trịnh Thị Bích N, bà Đoàn Thị K, chị Đoàn Thị Hương G, anh Vũ Đức T, cháu Đoàn Kim C, cháu Đoàn Ngọc D. Cháu Đoàn Quang H tới ngày 05/01/2010 mới nhập khẩu vào hộ bà T nên không có quyền sử dụng đối với diện tích đất nói trên.

+ Quyền lợi, nghĩa vụ của Ngân hàng ĐT chi nhánh H và chị Giang Thị Q sẽ được Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H xem xét, giải quyết trong quá trình thi hành bản án 16/2015/DS-PT ngày 10/9/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình.

Quyết định của cấp sơ thẩm là có căn cứ, đúng pháp luật. Đề nghị hội đồng phúc thẩm bác kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Đoàn Quốc Th và bà Lê Thị T, giữ nguyên quyết định sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Hội đồng phúc thẩm nhận định

[1] Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Bích T là Chấp hành viên Chi cục THADS thành phố H, tỉnh Hòa Bình có đơn đề nghị Tòa án phân chia tài sản chung của chị Trịnh Thị

Bích N, ông Đoàn Bá L, bà Lê Thị T, ông Đoàn Quốc Th đề thi hành quyết định tại Bản án số 16/2015/DS-ST ngày 10/9/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình đã có hiệu lực pháp luật. Đây là yêu cầu “xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án” được quy định tại khoản 9 Điều 27 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố H thụ lý, giải quyết vụ việc là đúng thẩm quyền.

Kháng cáo của ông Đoàn Quốc Th và bà Lê Thị T trong thời hạn luật định, được cấp phúc thẩm xem xét.

[2]Về nội dung:

2.1. Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị Bích T- Chấp hành viên thuộc Chi cục THADS thành phố H:

Ngày 19/11/2015, Chi cục thi hành án dân sự thành phố H ban hành quyết định số 174/QĐ – CCTHA về việc thi hành quyết định của Bản án số 16/2015/DS-PT ngày 10/9/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình theo đơn yêu cầu của chị Giang Thị Q và anh Trần Công M.

Điều 74 Luật thi hành án dân sự quy định về việc cưỡng chế đối với tài sản thuộc sở hữu chung như sau: “trước khi cưỡng chế đối với tài sản thuộc sở hữu chung của người phải thi hành án với người khác, kể cả quyền sử dụng đất, Chấp hành viên phải thông báo cho chủ sở hữu chung biết việc cưỡng chế”.

Ngày 26/01/2016, Chi cục THADS TP Hòa Bình đã có Thông báo số: 294/TB-THA đối với ông Th, bà T, anh L, chị N và những người có quyền sở hữu chung đối với tài sản về việc họ tự thỏa thuận phân chia tài sản chung hoặc yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngày 01/3/2016, tại Biên bản giải quyết thi hành án, hộ gia đình bà T xác nhận đã nhận được văn bản trên và thống nhất không khởi kiện yêu cầu xác định phân chia tài sản chung. Ngày 08/3/2016, Chi cục THADS TP H đã có Thông báo số 360/TB-THA đối với người được thi hành án là chị Giang Thị Q và anh Trần Công M về việc khởi kiện tại Tòa án yêu cầu xác định phần tài sản của bà T, ông Th, anh L, chị N trong khối tài sản chung để thi hành án. Ngày 28/3/2016 chị H, anh M đã có đơn trình bày về việc không khởi kiện tại Tòa án và yêu cầu Cơ quan thi hành án giải quyết vụ việc theo quy định.

Như vậy, các chủ sở hữu chung đối với tài sản là nhà, đất ở thửa số 11, tờ bản đồ số 07 tại tổ 9 phường Đ, thành phố H, tỉnh Hòa Bình đều không khởi kiện yêu cầu Toà án xác định phần sở hữu của họ đối với tài sản chung. Việc

Chấp hành viên yêu cầu Toà án xác định phần sở hữu của người phải thi hành án trong khối tài sản chung để bảo đảm thi hành án là có căn cứ, cần chấp nhận.

2.2. Xét phần sở hữu của chị Trịnh Thị Bích N, anh Đoàn Bá L, bà Lê Thị T, ông Đoàn Quốc Th trong khối tài sản chung:

***Đối với diện tích đất:**

Căn cứ Biên bản xác minh ngày 23/01/2020 tại UBND phường Đ - thửa đất số 11, tờ bản đồ số 07 tại phường Đ đứng tên hộ bà Lê Thị T có nguồn gốc như sau: mẹ đẻ ông Đoàn Quốc Th là bà Nguyễn Thị L có thửa đất số 26, tờ bản đồ số 01, diện tích 276m² tại tổ 9, phường Đ, thành phố H. Đến năm 1990, do bà L chết nên thửa đất đã được sang tên cho con dâu là bà T (vợ ông Th). Bà L có 08 người con, tuy nhiên không có ai tranh chấp, khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế đối với diện tích đất này.

Theo đo đạc bản đồ địa chính chính quy năm 1999, lô đất 26 có số thửa mới là số 11, tờ bản đồ số 07, diện tích 322,9m². Tới năm 2001, hộ bà Lê Thị T được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất nói trên. Ngày 22/5/2008, hộ bà T được cấp đổi lại Giấy CNQSD đất với số diện tích còn lại là 287,6m² do một phần đất đã được Nhà nước thu hồi mở rộng đê Đà Giang. Hồ sơ do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Hòa Bình cung cấp thể hiện: Ngày 15/3/2007 và ngày 19/3/2007 bà Lê Thị T đã có đơn xin cấp đổi lại Giấy CNQSD đất và đơn đăng ký QSD đất, theo đó thì người sử dụng đất được xác định là hộ bà Lê Thị T, theo sổ hộ khẩu A4110 cấp ngày 31/10/1998 tại Công an thị xã H.

Sổ hộ khẩu A4110 thể hiện các nhân khẩu đăng ký chính thức trong hộ bà T có 10 người là: 04 nhân khẩu được cấp đăng ký ngày 31/10/1998 gồm bà Lê Thị T - chủ hộ, anh Đoàn Bá L - con đẻ bà T, bà Đoàn Thị K - chị chồng bà T; chị Đoàn Thị Hương G - con đẻ bà T; 01 nhân khẩu cấp đăng ký ngày 20/11/2000 là chị Trịnh Thị Bích N, con dâu bà T; 01 nhân khẩu được cấp đăng ký ngày 11/4/2001 là anh Vũ Đức T - con rể bà T; 01 nhân khẩu được cấp đăng ký ngày 18/12/2001 là ông Đoàn Quốc Th - chồng bà T; 01 nhân khẩu được cấp đăng ký ngày 04/12/2000 là cháu Đoàn Ngọc Kim C - cháu bà T; 01 nhân khẩu được cấp đăng ký ngày 18/4/2005 là cháu Đoàn Ngọc D - cháu bà T và 01 nhân khẩu được cấp đăng ký ngày 05/01/2010 là cháu Đoàn Quang H - cháu bà T.

Căn cứ khoản 29 Điều 3 của Luật Đất đai năm 2013 và Giấy CNQSD đất cấp ngày 22/5/2008, hộ bà Lê Thị T có 09 thành viên được quyền sử dụng đất chung tại thửa đất số 11 đó là: bà Lê Thị T; anh Đoàn Bá L; bà Đoàn Thị K;

chị Đoàn Thị Hương G; chị Trịnh Thị Bích N; anh Vũ Đức T; ông Đoàn Quốc Th; cháu Đoàn Ngọc Kim C và cháu Đoàn Ngọc D . Cháu Đoàn Quang H ngày 05/01/2010 mới nhập khẩu vào hộ bà T nên không có quyền sử dụng đối với diện tích đất trên.

Như vậy, có đủ căn cứ xác định phần quyền sử dụng đất của ông Đoàn Quốc Th, bà Lê Thị T, anh Đoàn Bá L, chị Trịnh Thị Bích N là mỗi người = 1/9 giá trị của lô đất thuộc thửa số 11.

***Đối với ngôi nhà:**

Ngôi nhà được hộ bà T xây dựng năm 1986 (có giấy phép xây dựng), là loại nhà xây cấp 4, mái bằng, trên lợp tôn chống nắng, diện tích khoảng 63m².

Tại Biên bản về việc giải quyết việc thi hành án ngày 08/10/2019, anh Đoàn Bá L, chị Đoàn Thị Hương G, bà Lê Thị T đều khẳng định ngôi nhà trên là do ông Th, bà T (là vợ chồng) xây dựng, không ai có đóng góp gì thêm. Tại Biên bản xác minh ngày 17/4/2019, ông Th có khai việc xây dựng ngôi nhà là có sự đóng góp của bà Nguyễn Thị L (mẹ đẻ ông Th), bà Đoàn Thị P và bà Đoàn Thị K (chị gái ông Th), tuy nhiên ông Th không xuất trình được tài liệu chứng cứ nào để chứng minh công sức đóng góp của bà L, bà P, bà K vào việc xây dựng ngôi nhà trên.

Do vậy có đủ cơ sở để xác định ông Đoàn Quốc Th và bà Lê Thị T cùng có quyền sở hữu ngôi nhà xây cấp 4, mái bằng, trên lợp tôn chống nắng có diện tích khoảng 63m² được xây dựng trên diện tích 287,6m² đất thuộc thửa số 11 – tờ bản đồ số 07 – địa chỉ: tổ 09 (15 cũ), phường Đ, thành phố H, tỉnh Hòa Bình với tỷ lệ mỗi người là 1/2 giá trị của ngôi nhà.

Việc cấp sơ thẩm phân chia sở hữu của chị Ngọc, anh L, bà T, ông Th trong khối tài sản chung là có căn cứ, đúng pháp luật.

2.3. Xét kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Quốc Th, bà Lê Thị T:

Ông Th , bà T đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ quyết định sơ thẩm vì: ông bà cho rằng, chấp hành viên của Chi cục thi hành án dân sự đã không thực hiện đầy đủ các thủ tục theo quy định của pháp luật trước khi yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung để thi hành án; tuy nhiên chấp hành viên đã thông báo cho các chủ sở hữu chung của nhà, đất tại thửa số 11 biết việc cưỡng chế thi hành án đối với tài sản chung song các chủ sở hữu chung đều không khởi kiện yêu cầu Toà án xác định phần sở hữu của họ nên việc chấp hành viên yêu cầu Toà án xác định phần sở hữu của chị ông Th, bà T, chị N, anh

L trong khối tài sản chung để bảo đảm thi hành án là đúng trình tự theo quy định tại điều 74 Luật thi hành án dân sự.

Ông Th, bà T và đại diện theo ủy quyền của ông bà là anh Nguyễn Văn A đề nghị đưa Ngân hàng ĐT chi nhánh H, chị Giang Thị Q tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan do khối tài sản chung của hộ bà T đang được thế chấp cho khoản vay của chị H tại ngân hàng. Tuy nhiên, người yêu cầu giải quyết việc dân sự là Chấp hành viên thuộc Chi cục THADS thành phố H chỉ yêu cầu Toà án xác định phần tài sản của ông Th, bà T, chị N, anh L trong khối tài sản chung để thi hành án, nên Toà án chỉ đưa các chủ sở hữu chung tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp với phạm vi giải quyết vụ việc.

Ông Th, bà T cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm phân chia sở hữu của chị Ngọc, anh L, bà T, ông Th trong khối tài sản chung là không chính xác, tuy nhiên ông Th và bà T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác ngoài những chứng cứ đã được cấp sơ thẩm xem xét, thu thập để phân chia tài sản chung.

Kháng cáo của ông Th, bà T không có căn cứ để chấp nhận. Cần giữ nguyên quyết định sơ thẩm.

2.4. Về lệ phí: do kháng cáo không được chấp nhận, ông Đoàn Quốc Th và bà Lê Thị T phải chịu lệ phí dân sự phúc thẩm. Do ông Th, bà T là người cao tuổi nên được miễn nộp theo quy định tại điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm a khoản 3 điều 375 Bộ luật tố tụng dân sự: không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Quốc Th và bà Lê Thị T; giữ nguyên quyết định giải quyết việc dân sự số 02/2020/QĐST – VDS ngày 10/4/2020 của Tòa án nhân dân thành phố H. Cụ thể:

Căn cứ khoản 9 Điều 27; khoản 1 Điều 35; điểm n khoản 1 Điều 39; Điều 366; Điều 367; Điều 369 và Điều 370 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 212 và 213 của Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 29 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2013; Căn cứ khoản 29 Điều 3 của Luật Đất đai năm 2013; Căn cứ Điều 74 của Luật thi hành án dân sự năm 2014; Căn cứ khoản 4

Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của người yêu cầu là bà Nguyễn Thị Bích T – Chấp hành viên Chi cục THADS thành phố H.

- Xác định phần quyền sở hữu của ông Đoàn Quốc Th và bà Lê Thị T là mỗi người = $\frac{1}{2}$ (Một phần hai) giá trị của ngôi nhà cấp 4, mái bằng, trên lợp tôn chống nắng có diện tích khoảng 63m² - Địa chỉ: SN 113, tổ 09 (15 cũ), phường Đ, thành phố H, tỉnh Hòa Bình.

- Xác định phần quyền sử dụng đất của ông Đoàn Quốc Th, bà Lê Thị T, anh Đoàn Bá L, chị Trịnh Thị Bích N là mỗi người = $\frac{1}{9}$ (Một phần chín) giá trị của lô đất thuộc thửa số 11, tờ bản đồ số 07 – Địa chỉ: tổ 09 (15 cũ), phường Đ, thành phố H, tỉnh Hòa Bình (Đất đã được UBND thành phố H cấp Giấy chứng nhận QSD đất số AM118333 ngày 22/5/2008).

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự:

- Lệ phí sơ thẩm: bà Nguyễn Thị Bích T không phải nộp lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

- Lệ phí phúc thẩm: ông Đoàn Quốc Th, bà Lê Thị T phải chịu lệ phí dân sự phúc thẩm nhưng được miễn nộp; ông Đoàn Quốc Th được trả lại 300.000 đồng tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai số 0006745 ngày 06/5/2020, bà Lê Thị T được trả lại 300.000 đồng tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai số 0006746 ngày 06/5/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố H.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định: ngày 20/7/2020.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hoà Bình;
- TAND TP H,
- VKSND TP H,
- Chi cục THADS TP H;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

(đã ký)

Lê Văn Tuấn